

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Kế hoạch số 284-KH/TU ngày 23/6/2025
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW
của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW
của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)
về công tác dân số trong tình hình mới**

Thực hiện Kế hoạch số 284-KH/TU ngày 23/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi là *Kế hoạch 284-KH/TU*); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp theo Kết luận số 149-KL/TW¹, Kế hoạch 284-KH/TU gắn với các mục tiêu Kế hoạch số 105-KH/TU² và Kế hoạch 201/KH-UBND³, phù hợp với thực tiễn và đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương.
- Phân công trách nhiệm cho các sở, ngành, địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số và phát triển theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới.
- Các sở, ngành, UBND cấp xã trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể theo giai đoạn và hàng năm, tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; Xác định cụ thể, rõ lộ trình, thời gian thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch; rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch phải được thực hiện thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả.
- Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng kết, đánh giá, rút kinh

¹ Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

² Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

³ Kế hoạch 201/KH-UBND ngày 11/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Kế hoạch hành động số 105-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân số trong tình hình mới.

nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện để đạt các mục tiêu.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

Tiếp tục thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn đến năm 2030 được giao theo Kế hoạch số 105-KH/TU và Kế hoạch 201/KH-UBND, cụ thể như sau:

1. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số đạt 4,1 triệu người;
2. Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng; mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn;
3. Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 23%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%;
4. Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số, dân tộc có dưới 10 nghìn người;
5. Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm tối đa số cặp hôn nhân cận huyết; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất;
6. Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thẻ BHYT, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung;
7. Chiều cao người đủ 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm;
8. Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 41%; bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản;
9. 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác dân số

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt nội dung Kết luận số 149-KL/TW, Kế hoạch 284-KH/TU đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân. Tập thể lãnh đạo thống nhất nhận thức, tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm đến từng cơ quan, đơn vị, tập thể, cá nhân nhằm thực hiện Kế hoạch hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đổi mới tư duy, quan điểm lãnh đạo, phải coi công tác dân số là nhiệm vụ hàng đầu cần tập trung giải quyết

toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số,...đặt trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương và đơn vị.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; có hình thức tuyên dương, khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng về trong thực hiện chính sách dân số. Sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả công tác dân số định kỳ hằng năm và theo giai đoạn.

1.1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương

Xây dựng kế hoạch và triển khai đồng bộ các nội dung Kế hoạch, đưa chỉ tiêu dân số vào Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch hành động hằng năm đảm bảo theo mục tiêu chung của Kết luận số 149-KL/TW, Kế hoạch số 284-KH/TU, Kế hoạch số 105-KH/TU; phát huy vai trò Ban Chỉ đạo Dân số và phát triển các cấp trong việc phối hợp liên ngành trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số phù hợp với thực tiễn trong tình hình mới.

1.2. Sở Y tế

Phối hợp với Thống kê tỉnh và các sở, ngành liên quan cung cấp các thông tin về dân số phục vụ xây dựng nghị quyết, kế hoạch, chương trình hằng năm và theo giai đoạn. Tham mưu Ban Chỉ đạo Dân số và phát triển cấp tỉnh, xây dựng chương trình, quy chế phối hợp liên ngành trong công tác dân số.

1.3. Sở Nội vụ

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương; căn cứ vào thành tích của các tập thể, cá nhân, các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng, tham mưu cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Tiếp tục tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, đảng viên và nhân dân về công tác dân số trong tình hình mới. Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi thông qua hệ thống báo cáo viên, tuyên truyền viên; phát huy lợi thế của thông tin đại chúng, truyền thông xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đưa công tác dân số đến với mọi tầng lớp nhân dân.

- Đổi mới đa dạng các nội dung theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phù hợp với thực tiễn của từng địa phương, địa bàn, đặc biệt nhóm yếu thế, khu vực có mức sinh cao, khu vực có tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh cao,...góp phần nâng cao nhận thức về dân số và phát triển.

2.1. Sở Y tế

Tiếp tục thực hiện “Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030” và các kế hoạch, đề án liên quan đến truyền thông trên địa bàn tỉnh, đảm bảo toàn diện, đầy đủ nội dung, kịp thời cập nhật các chủ trương, chính sách mới về công tác dân số, góp phần hoàn thành các mục tiêu chỉ tiêu được giao theo Kế hoạch

số 105-KH/TU và Kế hoạch 201/KH-UBND.

2.2. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, thực hiện các biện pháp can thiệp truyền thông nhằm hạn chế tối đa tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại khu vực miền núi, khó khăn, xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.3. Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch

Tăng cường công tác truyền thông thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, phù hợp với hạ tầng và lộ trình phát triển của mạng lưới dịch vụ công nghệ thông tin của ngành đến đông đảo các tầng lớp Nhân dân.

2.4. Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

- Chủ trì việc thông tin tuyên truyền về chủ trương chính sách về công tác dân số để nâng cao nhận thức của người dân đối với công tác dân số trong tình hình mới.

- Phối hợp với ngành Y tế xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể trên các nền tảng số của Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh nhằm thực hiện toàn diện hiệu quả Kết luận số 149-KL/TW, Kế hoạch số 284-KH/TU.

3. Hoàn thiện, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác dân số

3.1. Sở Y tế

- Chủ động cập nhật, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản của tỉnh về công tác dân số phù hợp với các quy định của Trung ương và những yêu cầu định hướng cho giai đoạn; nâng cao hiệu quả về quản lý nhà nước về công tác dân số.

- Tiếp tục triển khai các kế hoạch, chương trình, đề án trọng tâm thực hiện chính sách về dân số như: khuyến khích các cặp vợ chồng và cá nhân sinh đủ hai con, ưu tiên chú trọng đối với địa bàn có mức sinh thấp; duy trì tỷ suất sinh thay thế, thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh; các chính sách về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi góp phần tăng tuổi thọ bình quân, tăng số năm sống khỏe mạnh.

3.2. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan rà soát, kiến nghị đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, xây dựng văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên về lĩnh vực dân số và phát triển theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp thực tiễn địa phương.

3.3. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì thực hiện đề án, chương trình, kế hoạch nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phối hợp với Sở Y tế tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành các kế hoạch trọng điểm triển khai hiệu quả các chính sách về dân số ở vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.4. Sở Nội vụ

- Chủ trì thực hiện, lồng ghép công tác dân số và phát triển trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch dài hạn và hằng năm, dự án, đề án về việc làm, hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động, dịch vụ việc làm. Nghiên cứu cơ chế chính sách việc làm trợ cấp hỗ trợ cho người lao động sinh con và nuôi con nhỏ; hướng dẫn tổ chức các hoạt động, chương trình tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế cho người cao tuổi.

- Hướng dẫn chính sách, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại địa phương, trong đó có vai trò của nữ giới, trẻ em gái trong gia đình, góp phần kiểm soát và cân bằng giới tính khi sinh.

3.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, nghiên cứu xây dựng ban hành quy định cụ thể thực hiện chủ trương và chính sách dân số trong phạm vi ngành quản lý, trong đó có nội dung vận động phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền vận động về công tác dân số; đưa nội dung dân số và phát triển trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Lồng ghép chỉ đạo và hướng dẫn phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của các thiết chế văn hóa; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến công tác gia đình, đảm bảo quyền bình đẳng giới trong gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình, trong đó có vai trò của nữ giới và trẻ em gái.

3.6. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế, Thống kê tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số trong quá trình xây dựng và đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hằng năm của tỉnh. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu, tham mưu, bố trí kinh phí triển khai Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

4. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về công tác dân số

- Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, phân công theo Kế hoạch số 105-KH/TU và Kế hoạch 201/KH-UBND, đúng theo chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với thực tiễn của địa phương, đơn vị. Triển khai hiệu quả các chính sách về dân số; lồng ghép yếu tố về dân số trong các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững.

- Đảm bảo nguồn lực, đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân

số và phát triển, nhất là nội dung liên quan đến đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. Huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng để thực hiện toàn diện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số. Đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước đầu tư phát triển cho dịch vụ dân số.

- Xây dựng và kết nối liên thông dữ liệu về con người trên cơ sở dữ liệu gốc là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm đánh giá biến động về dân số, phục vụ đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch được giao, là cơ sở để hoạch định chính sách dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai đồng bộ và thống nhất các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương theo chỉ đạo chung của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn chuyên môn của các cơ quan Trung ương, phù hợp với đặc điểm dân cư, địa lý, kinh tế - xã hội,... của từng vùng, miền, từng xã, phường trên địa bàn tỉnh.

4.1. Sở Y tế

Tổ chức rà soát và triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch, Đề án giai đoạn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ, đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược người cao tuổi giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án phát triển nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tổ chức phòng khám y học gia đình, mạng lưới y học gia đình ở y tế cơ sở, từng bước phát triển chuyên ngành lão khoa tại bệnh viện cấp cơ bản và chuyên sâu.

- Xây dựng và triển khai Đề án đảm bảo nguồn lực cho các Trạm y tế cấp xã. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương để phục vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân, đồng bộ với chương trình dân số và phát triển. Xây dựng chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng đảm bảo vững chắc mức sinh thay thế giai đoạn đến năm 2030.

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sinh sản các cấp; chăm sóc sức khỏe vị thành niên, thanh niên nhằm giảm thiểu tỷ lệ vị thành niên thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ làm công tác dân số đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới. Duy trì mạng lưới cộng tác viên, y tế thôn bản; kiện toàn bộ máy tổ chức chuyên ngành dân số và nâng cao năng lực hoạt động theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.

4.2. Sở Nội vụ

Tăng cường hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động, tăng thời gian sử dụng lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn, xây dựng lộ trình dịch vụ việc làm cho người cao tuổi.

4.3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường đào tạo nghề, gắn liền với nhu cầu của thị trường lao động

và sự phát triển chung của tỉnh và từng địa phương; hướng đến đào tạo nghề cho người cao tuổi trong bối cảnh tốc già hóa dân số ngày càng nhanh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan xây dựng kế hoạch trình UBND tỉnh ban hành về lĩnh vực giáo dục, đào tạo, bám sát các nội dung liên quan công tác dân số nhằm nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên về công tác dân số và phát triển, giảm thiểu yếu tố nguy cơ, lối sống không lành mạnh ảnh hưởng đến sức khỏe và sức khỏe sinh sản, tạo nguồn nhân lực trong thời đại mới khỏe về thể chất, mạnh về tinh thần để phát triển kinh tế - xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh liên quan đến công tác dân số trong tình hình mới.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch này.

- Tổng hợp và báo cáo sơ kết công tác dân số trong tình hình mới, giai đoạn 2017 - 2025 về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 105-KH/TU, Kế hoạch 201/KH-UBND và Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 05/12/2025.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

- Xây dựng kế hoạch của ngành, đơn vị để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, đơn vị.

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở ngành liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch, chương trình và các nhiệm vụ được phân công; đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

- Báo cáo sơ kết, kết quả triển khai thực hiện giai đoạn 2017 - 2025 của Kế hoạch số 105-KH/TU, Kế hoạch 201/KH-UBND và Kế hoạch này gửi Sở Y tế trước ngày 15/11/2025, trong đó đánh giá các kết quả đạt được theo các mục tiêu chỉ tiêu được giao, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế,...

3. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, yêu cầu rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, đảm bảo hoàn thành mục tiêu Kế hoạch vào năm 2030.

- Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ động bố trí nguồn ngân sách, nhân lực theo phân cấp để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép và thực hiện hiệu quả với các Chương trình, Kế hoạch khác có liên quan đang triển khai trên địa bàn.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện, định kỳ, đột xuất báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) theo quy định. Tổng hợp báo cáo sơ kết, kết quả triển khai thực hiện, giai đoạn 2017 - 2025 của Kế hoạch số 105-KH/TU, Kế hoạch 201/KH-UBND và Kế hoạch này gửi về Sở Y tế trước ngày 15/11/2025.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân số; tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác dân số trong tình hình mới.

Yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã triển khai thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo về Sở Y tế trước ngày 25 tháng 11, Sở Y tế tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 12. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị chủ động đề xuất qua Sở Y tế, để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và Đài PTTH tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, THĐT, KTTC, VHXH_{NVH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng